

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 – 34
Bảng cân đối kế toán	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	15 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK - GP ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 08/GPĐC – UBCK ngày 20 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là 1.000.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại thành phố Đà Nẵng	Số 97 Lê Lợi, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã nhất trí thông qua việc sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để bù lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định sẽ xử lý lỗ lũy kế từ nguồn thặng dư vốn cổ phần vào quý 01 năm 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/10/2014
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 15/9/2014
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/01/2014
Ông Trần Thoại	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/9/2014
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/01/2014

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Đức Tiến	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/11/2014
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành	Phụ trách điều hành từ ngày 01/4/2014 đến ngày 31/10/2014
Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24/3/2014
Ông Trần Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 16/4/2014
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP.HCM	Bỏ nhiệm ngày 05/05/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tài ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiên

Số: *ML*/2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ quỹ của các tổ chức khác số tiền là 760.294.568.345 đồng tương ứng với tỷ lệ là 83,75% trên “Vốn chủ sở hữu” của Công ty, vượt 13,75% trên “Vốn chủ sở hữu” về tỷ lệ hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập Công ty chứng khoán.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

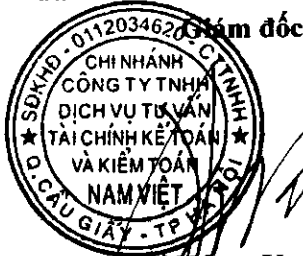
No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến lưu ý đối với Báo cáo tài chính tại ngày 26 tháng 3 năm 2014 về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) với tỷ lệ là 26,15% trên vốn chủ sở hữu của Công ty, vượt quá tỷ lệ về hạn chế đầu tư theo quy định tại khoản 4e, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập Công ty chứng khoán. Tuy nhiên, khoản đầu tư này hầu hết được mua cuối năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 có hiệu lực. Do đó ngày 30 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã có Công văn số 688/2013/CV-SHS gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước (Vụ Thanh tra) Báo cáo về vấn đề này cũng như cam kết có lộ trình thoái bớt cổ phiếu SHB để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.147.070.854.128	1.863.579.566.928
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.603.562.789.371	892.685.928.463
1.	Tiền	111		1.338.912.789.371	733.485.928.463
2.	Các khoản tương đương tiền	112		264.650.000.000	159.200.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		687.664.436.198	252.295.926.060
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.02.2	749.602.568.345	339.569.721.182
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(61.938.132.147)	(87.273.795.122)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	834.204.969.932	704.926.435.096
1.	Phải thu khách hàng	131		2.572.000.000	4.138.930.000
2.	Trả trước cho người bán	132		85.403.665.899	85.822.697.500
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		17.229.606.683	16.913.616.339
5.	Các khoản phải thu khác	138		985.154.647.023	808.079.196.153
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(256.154.949.673)	(210.028.004.896)
IV.	Hàng tồn kho	140		120.312.890	97.314.712
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	120.312.890	97.314.712
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		21.518.345.737	13.573.962.597
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		420.733.760	788.746.072
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.188.448.530	12.188.448.530
4.	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158		8.909.163.447	596.767.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.898.779.815	59.068.636.490
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		5.342.374.125	6.120.237.518
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	2.472.592.250	1.701.180.204
	- Nguyên giá	222		15.289.911.509	13.354.564.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.817.319.259)	(11.653.384.296)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	2.869.781.875	4.419.057.314
	- Nguyên giá	228		20.180.442.990	18.945.828.822
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17.310.661.115)	(14.526.771.508)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02.2	10.692.000.000	45.600.000.000
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		10.692.000.000	64.800.000.000
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		10.692.000.000	64.800.000.000
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	(19.200.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		9.864.405.690	7.348.398.972
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.455.526.266	1.757.055.271
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.08	5.699.340.273	4.073.333.102
4.	Tài sản dài hạn khác	268		1.709.539.151	1.518.010.599
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.172.969.633.943	1.922.648.203.418

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.265.171.469.441	1.136.944.120.801
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.265.146.469.441	1.136.919.120.801
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	465.000.000.000	330.000.000.000
2.	Phải trả người bán	312		113.329.950	84.441.120
3.	Người mua trả tiền trước	313		794.000.000	1.062.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	7.448.007.865	1.669.831.402
5.	Phải trả người lao động	315		1.941.352.330	1.848.044.774
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	8.165.362.539	11.522.741.814
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.491.710.608.788	785.027.508.609
9.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	289.674.183.603	5.087.981.600
10.	Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		52.456.000	52.456.000
11.	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		247.168.366	368.168.366
14.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	195.947.116
II.	Nợ dài hạn	330		25.000.000	25.000.000
6.	Phải trả dài hạn khác	333		25.000.000	25.000.000
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		907.798.164.502	785.704.082.617
I.	Vốn chủ sở hữu	410		907.798.164.502	785.704.082.617
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		108.234.052.000	108.234.052.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.420.555.826	7.420.555.826
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.420.555.826	7.420.555.826
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(213.726.999.150)	(335.821.081.035)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.172.969.633.943	1.922.648.203.418

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
2.	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	1.932.000.000	53.365.330.000
3.	Tài sản nhận ký cược	003	15.936.660.000	16.066.660.000
6.	Chứng khoán lưu ký	006	7.006.337.100.000	4.804.183.980.000
	Trong đó:			
6.1.	Chứng khoán giao dịch	007	4.469.999.320.000	2.981.397.440.000
6.1.1.	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	67.876.980.000	243.069.730.000
6.1.2.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.399.065.840.000	2.737.219.210.000
6.1.3.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	3.056.500.000	1.108.500.000
6.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	251.003.840.000	233.981.460.000
6.2.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	251.003.840.000	233.981.460.000
6.3.	Chứng khoán cầm cố	017	1.682.199.800.000	1.464.105.600.000
6.3.1.	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	286.000.000.000	58.500.000.000
6.3.2.	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	1.396.199.800.000	1.405.605.600.000
6.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	027	323.259.190.000	121.685.590.000
6.5.1.	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.070.000.000	-
6.5.2.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	322.189.190.000	121.685.590.000
6.7.	Chứng khoán chờ giao dịch	037	279.874.950.000	3.013.890.000
6.7.2.	Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	279.874.950.000	3.013.890.000
7.	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	1.091.302.650.000	978.620.960.000
	Trong đó:			
7.1.	Chứng khoán giao dịch	051	265.799.650.000	155.253.950.000
7.1.1.	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	4.803.290.000	1.501.140.000
7.1.2.	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	260.996.360.000	153.752.810.000
7.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	197.000.000	197.010.000
7.2.2.	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	197.000.000	197.010.000
7.3.	Chứng khoán cầm cố	061	823.000.000.000	823.000.000.000
7.3.2.	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	823.000.000.000	823.000.000.000
7.5.	Chứng khoán chờ thanh toán	071	2.306.000.000	170.000.000
7.5.2.	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	2.306.000.000	170.000.000
8.	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	15.999.260.000
9.	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	147.450.000.000	30.000.000.000

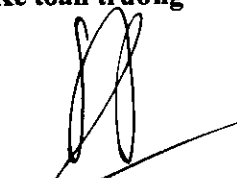
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiên



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu	01		399.777.392.244	134.985.669.030
	<i>Trong đó:</i>				
-	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		95.025.164.069	25.016.368.852
-	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		168.444.202.406	50.836.525.994
-	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	5.952.985.650
-	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		188.181.818	-
-	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		52.996.009.821	7.204.294.616
-	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.057.798.212	2.750.400.536
-	Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		36.225.165	4.778.268
-	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
-	Doanh thu khác	01.9		79.029.810.753	43.220.315.114
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.009.895.925
3.	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		399.777.392.244	133.975.773.105
4.	Chi phí hoạt động kinh doanh	11		202.796.319.925	87.918.579.591
5.	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		196.981.072.319	46.057.193.514
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		74.949.775.339	34.298.745.599
7.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.031.296.980	11.758.447.915
8.	Thu nhập khác	31		69.075.361	64.735.498
9.	Chi phí khác	32		6.290.456	201.801.165
10.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		62.784.905	(137.065.667)
11.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		122.094.081.885	11.621.382.248
12.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.01	-	-
13.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		122.094.081.885	11.621.382.248
15.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.02	1.223	116

Người lập biểu



Ngô Thị Trúc Mai

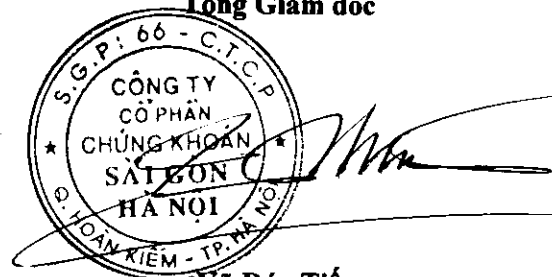
Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiên

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Đức Tiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		122.094.081.885	11.621.382.248
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		3.947.824.570	5.817.355.242
-	Các khoản dự phòng	03		1.591.281.802	(27.541.226.158)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(112.357.848.601)	(52.180.757.637)
-	Chi phí lãi vay	06		38.149.452.093	25.460.303.180
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		53.424.791.749	(36.822.943.125)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(186.208.610.540)	(262.403.272.753)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	10		(410.055.845.341)	2.265.346.291
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		992.687.941.284	410.638.936.054
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(330.458.683)	668.768.058
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(37.483.896.537)	(34.506.942.138)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		61.388.500	1.187.917.459
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(362.528.552)	(393.731.920)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		411.732.781.880	80.634.077.926
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.169.961.177)	(1.513.981.599)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	43.775.014
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		54.108.000.000	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		113.211.188.405	56.021.056.756
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		164.149.227.228	54.550.850.171

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.422.000.000.000	6.006.000.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.287.000.000.000)	(5.988.000.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.148.200)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		134.994.851.800	18.000.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		710.876.860.908	153.184.928.097
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		892.685.928.463	739.501.000.366
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.603.562.789.371	892.685.928.463

Người lập biểu



Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiên

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Tăng Giám đốc



Vũ Đức Tiên

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
				3	4	5	6		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	-	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000	-	-	-	-	108.234.052.000	108.234.052.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826	-	-	-	-	7.420.555.826	7.420.555.826
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)	-	-	-	-	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826	-	-	-	-	7.420.555.826	7.420.555.826
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(347.442.463.283)	(335.821.081.035)	11.621.382.248	-	122.094.081.885	-	(335.821.081.035)	(213.726.999.150)
Cộng		774.082.700.369	785.704.082.617	11.621.382.248	-	122.094.081.885	-	785.704.082.617	907.798.164.502

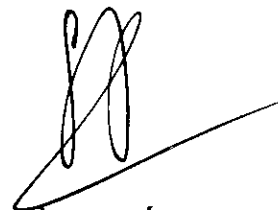
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Ngô Thị Trúc Mai

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiên



Vũ Đức Tiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác;
- Thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm
Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	03 - 05 năm

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán: được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thực tế thị trường giảm so với giá hạch toán trên sổ kế toán.
- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán đóng cửa tại sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị thị trường của chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 (ba) Công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không trích lập dự phòng.
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

04. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí tư vấn;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

06. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch do bán cổ phần phát hành và tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: là khoản trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)***Doanh thu từ cổ tức***

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	91.235.684	68.369.534
- Tiền gửi ngân hàng	1.022.674.597.789	732.064.304.183
Trong đó:		
+ <i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	404.260.981.984	182.270.956.868
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	316.146.955.898	1.353.254.746
Trong đó:		
+ <i>Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK của nhà đầu tư</i>	128.817.474.485	1.060.301.293
- Các khoản tương đương tiền	264.650.000.000	159.200.000.000
Cộng	<u>1.603.562.789.371</u>	<u>892.685.928.463</u>

02.1 Tình hình đầu tư tài chính và giá trị khối lượng giao dịch

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán	130.033.511	4.073.656.165.300
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	121.033.511	3.230.244.665.300
- Chứng chỉ quỹ	7.000.000	823.411.500.000
- Trái phiếu	2.000.000	20.000.000.000
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư	4.192.312.883	61.035.699.791.120
- Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ	4.185.776.213	60.331.303.717.120
- Chứng chỉ quỹ	6.501.320	704.043.500.000
- Trái phiếu	35.350	352.574.000
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	<u>4.322.346.394</u>	<u>65.109.355.956.420</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02.2 Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
						31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013		
I. Đầu tư ngắn hạn				749.602.568.345	339.569.721.182	2.106.595.702	164.781.840	61.938.132.147	87.273.795.122	689.771.031.900	252.460.707.900
1. Cổ phiếu				639.602.568.345	339.569.721.182	2.106.595.702	164.781.840	60.738.132.147	87.273.795.122	580.971.031.900	252.460.707.900
Cổ phiếu niêm yết sàn HNX và HSX				581.848.376.859	338.063.634.244	2.090.345.702	148.531.840	58.348.513.761	87.271.711.284	525.590.208.800	250.940.454.800
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	15.031.538	22.531.538	137.065.831.349	205.454.957.099	-	-	15.310.373.549	49.987.344.899	121.755.457.800	155.467.612.200
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	992.128	-	54.720.952.420	-	-	-	2.138.168.420	-	52.582.784.000	-
HSG	Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen	845.113	345.023	39.551.447.305	14.903.661.796	591.420.195	-	-	654.211.896	40.142.867.500	14.249.449.900
NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	2.240.650	-	36.580.011.568	-	-	-	5.210.911.568	-	31.369.100.000	-
SAM	Công ty cổ phần CAP và Vật liệu vật tư	2.181.190	-	28.430.208.246	-	-	-	74.738.246	-	28.355.470.000	-
SSI	Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn	855.870	950.000	25.587.844.566	17.021.350.478	-	78.649.522	2.051.419.566	-	23.536.425.000	17.100.000.000
PVS	Tổng Công ty Dịch vụ kỹ thuật Dầu Khí	652.400	-	23.609.932.106	-	-	-	6.060.372.106	-	17.549.560.000	-
FPT	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp FPT	460.015	-	22.595.789.661	-	-	-	515.069.661	-	22.080.720.000	-
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	1.600.000	1.005.000	22.274.901.112	14.269.868.015	-	-	1.314.901.112	1.506.368.015	20.960.000.000	12.763.500.000
TCM	Công ty Cổ phần Dệt may Thành Công	610.960	-	21.472.100.000	-	-	-	1.921.380.000	-	19.550.720.000	-
HUT	Công ty Cổ phần Tasco	1.507.000	-	19.959.050.959	-	1.440.349.041	-	-	-	21.399.400.000	-
HCM	Công ty Cổ phần chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	460.530	-	17.602.494.179	-	-	-	3.233.958.179	-	14.368.536.000	-
HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	695.806	6	16.534.644.700	126.600	-	-	1.157.332.100	3.600	15.377.312.600	123.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
						31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013		
KDC	Công ty Cổ phần Kinh Đô	260.006	-	16.223.093.491	-	-	-	3.248.794.091	-	12.974.299.400	-
DLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	1.402.280	-	16.115.536.535	-	-	-	2.232.964.535	-	13.882.572.000	-
KBC	Tổng Công ty Đầu tư phát triển Kinh Bắc	1.000.002	-	15.919.410.261	-	-	-	19.378.461	-	15.900.031.800	-
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	113.970	-	13.175.078.100	-	-	-	2.290.943.100	-	10.884.135.000	-
VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	804.500	-	10.993.007.489	-	-	-	775.857.489	-	10.217.150.000	-
DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	167.370	-	9.995.140.000	-	-	-	622.420.000	-	9.372.720.000	-
GAS	Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	80.000	-	9.254.980.043	-	-	-	3.614.980.043	-	5.640.000.000	-
CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam	127.540	115.000	5.605.575.588	4.077.500.000	-	62.500.000	121.355.588	-	5.484.220.000	4.140.000.000
PHC	Công ty Cổ phần xây dựng Phục Hưng Holdings	421.065	416.750	5.474.451.608	5.580.577.690	-	-	3.242.807.108	3.913.577.690	2.231.644.500	1.667.000.000
VRC	Công ty Cổ phần Xây lắp và địa ốc Vũng Tàu	200.004	2.800.004	3.098.112.963	43.372.775.703	-	-	1.758.086.163	28.252.754.103	1.340.026.800	15.120.021.600
PID	Công ty Cổ phần trang trí nội thất Dầu Khí	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	1.125.000.000	775.000.000	1.375.000.000	1.725.000.000
SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và khu Công nghiệp Sông Đà	91.027	-	2.302.825.110	-	-	-	18.047.410	-	2.284.777.700	-
VTV	Công ty Cổ phần Vật tư vận tải Xi măng	55.800	-	1.242.720.000	-	40.680.000	-	-	-	1.283.400.000	-
BCI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Chánh	50.530	-	1.158.495.000	-	-	-	51.888.000	-	1.106.607.000	-
LCG	Công ty Cổ phần Licogi 16	125.000	-	1.147.500.000	-	-	-	85.000.000	-	1.062.500.000	-
VIC	Công ty Cổ phần Vincom	14.340	-	757.357.795	-	-	-	73.339.795	-	684.018.000	-
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	9.570	-	265.126.009	-	4.747.991	-	-	-	269.874.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu		Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
						Tăng		Giảm			
						31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013		
DIG	Tổng Công ty Đầu Tư phát triển Xây dựng	14.411	-	222.235.836	-	-	-	33.451.736	-	188.784.100	-
CH	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh	9.009	-	192.974.276	-	-	-	10.091.576	-	182.882.700	-
NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Bay Bay	6.520	-	141.429.000	-	707.000	-	-	-	142.136.000	-
DHA	Công ty Cổ phần Hòa An	710	-	10.133.000	-	-	-	406.000	-	9.727.000	-
OGC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	4	600.004	47.997	6.675.042.520	-	-	19.597	194.999.320	28.400	6.480.043.200
TSC	Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	-	130.000	-	1.904.471.600	-	-	-	734.471.600	-	1.170.000.000
PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	2	1.010.002	44.453	22.217.799.332	-	-	3.053	1.209.757.732	41.400	21.008.041.600
	Các cổ phiếu khác	2.751	255	67.894.134	85.503.411	12.441.475	7.382.318	35.055.509	43.222.429	45.280.100	49.663.300
Cổ phiếu niêm yết sàn Upcom				20.307.290.916	2.034.350	-	-	2.387.473.216	1.824.750	17.919.817.700	209.600
SDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Sài Đồng	330.000	-	20.301.780.000	-	-	-	2.382.780.000	-	17.919.000.000	-
GGG	Công ty Cổ phần ô tô Giải Phóng	36	-	484.477	-	-	-	426.877	-	57.600	-
PVA	Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An	30	-	1.923.923	-	-	-	1.854.923	-	69.000	-
S96	Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06	95	-	1.001.578	-	-	-	764.078	-	237.500	-
VSP	Công ty Cổ phần vận tải biển và Bất động sản Việt Hải	41	41	1.405.350	1.405.350	-	-	1.331.550	1.339.750	73.800	65.600
VTA	Công ty Cổ phần Vitaly	60	60	629.000	629.000	-	-	257.000	485.000	372.000	144.000
NTB	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584	3	-	66.588	-	-	-	58.788	-	7.800	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

02.2 Tình hình đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	Tăng		Giảm		31/12/2014	31/12/2013	
					31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013			
Cổ phiếu chưa niêm yết hoặc hủy niêm yết			37.446.900.570	1.504.052.588	16.250.000	16.250.000	2.145.170	259.088	37.461.005.400	1.520.043.500	
PXH	Công ty CP Xây lắp đầu khí Hà Nội	3.450.000	-	30.360.000.000	-	-	-	-	30.360.000.000	-	
CIEN CO1	Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông I	1.800.000	-	5.580.000.000	-	-	-	-	5.580.000.000	-	
VPV	Công ty cổ phần Việt Pháp Victory	150.000	150.000	1.503.750.000	1.503.750.000	16.250.000	16.250.000	-	-	1.520.000.000	1.520.000.000
	Các cổ phiếu khác	151	13	3.150.570	302.588	-	-	2.145.170	259.088	1.005.400	43.500
2. Trái phiếu			90.000.000.000	-	-	-	-	-	90.000.000.000	-	
MIN HNG ANB OND	Trái phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Minh Ngân	90	-	90.000.000.000	-	-	-	-	90.000.000.000	-	
3. Chứng chỉ quỹ niêm yết			20.000.000.000	-	-	-	1.200.000.000	-	18.800.000.000	-	
E1VF VN30	Chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30	2.000.000	-	20.000.000.000	-	-	1.200.000.000	-	18.800.000.000	-	
II. Chứng khoán đầu tư			10.692.000.000	64.800.000.000	-	-	19.200.000.000	-	10.692.000.000	45.600.000.000	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán			10.692.000.000	64.800.000.000	-	-	19.200.000.000	-	10.692.000.000	45.600.000.000	
+ Cổ phiếu chưa niêm yết			10.692.000.000	64.800.000.000	-	-	19.200.000.000	-	10.692.000.000	45.600.000.000	
SVIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB-Vinacomin(*)	495.000	3.000.000	10.692.000.000	64.800.000.000	-	-	19.200.000.000	10.692.000.000	45.600.000.000	
TỔNG CỘNG			760.294.568.345	404.369.721.182	2.106.595.702	164.781.840	61.938.132.147	106.473.795.122	700.463.031.900	298.060.707.900	

(*): Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin không có giao dịch trong thời gian 01 tháng tính đến ngày 31/12/2014 nên không thực hiện trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1. Phải thu của khách hàng	4.138.930.000	330.000.000	-	6.433.543.548	8.000.473.548	2.572.000.000	330.000.000	-	(330.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	4.133.930.000	330.000.000	-	6.363.000.000	7.924.930.000	2.572.000.000	330.000.000	-	(330.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	5.000.000	-	-	70.543.548	75.543.548	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	85.822.697.500	-	-	622.829.250	1.041.860.851	85.403.665.899	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	822.697.500	-	-	622.829.250	1.041.860.851	403.665.899	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	85.000.000.000	-	-	-	-	85.000.000.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.913.616.339	16.913.616.339	-	1.381.254.667	1.065.264.323	17.229.606.683	16.910.903.533	-	(7.867.950.241)
- Phải thu của sở (trung tâm) GDCK	-	-	-	9.173.408	9.170.438	2.970	-	-	-
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	-	-	-	318.449.380	-	318.449.380	-	-	-
- Phải thu khách hàng về GDCK	16.913.616.339	16.913.616.339	-	1.053.631.879	1.056.093.885	16.911.154.333	16.910.903.533	-	(7.867.950.241)
+ Phải thu khách hàng GDCK về ký quỹ	16.913.616.339	16.913.616.339	-	1.053.631.879	1.056.093.885	16.911.154.333	16.910.903.533	-	(7.867.950.241)
4. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	97.502.968	97.502.968	-	-	-	-
5. Phải thu khác	808.079.196.153	342.161.180.997	-	28.670.192.105.556	28.493.116.654.686	985.154.647.023	326.069.411.528	-	(247.956.999.432)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	43.725.859.235	-	-	15.676.646.267.054	15.447.485.788.824	272.886.337.465	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác ba bên	143.361.071.531	-	-	5.456.477.310.064	5.599.838.381.595	-	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	582.085.138.366	305.527.683.003	-	5.052.695.267.991	4.971.006.875.941	663.773.530.416	290.347.729.667	-	(229.928.706.797)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	9.601.095.649	8.999.400.241	-	2.389.219.227.008	2.389.604.591.958	9.215.730.699	8.876.678.248	-	(3.073.621.103)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.708.210.100	16.244.583.513	-	29.316.255.186	30.169.594.990	15.854.870.296	15.430.809.124	-	(9.139.625.992)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	820.000.000	820.000.000	-	33.595.630.877	33.595.630.877	820.000.000	820.000.000	-	(410.000.000)
- Phải thu khác	11.777.821.272	10.569.514.240	-	32.242.147.376	21.415.790.501	22.604.178.147	10.594.194.489	-	(5.405.045.540)
Cộng	914.954.439.992	359.404.797.336	-	28.678.727.235.989	28.503.321.756.376	1.090.359.919.605	343.310.315.061	-	(256.154.949.673)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	120.312.890	97.314.712
- Công cụ, dụng cụ	-	-
Cộng	120.312.890	97.314.712

05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện Vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.738.190.205	3.294.576.582	321.797.713	13.354.564.500
- Mua trong năm	1.935.347.009	-	-	1.935.347.009
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.673.537.214	3.294.576.582	321.797.713	15.289.911.509
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	8.639.765.862	2.796.435.003	217.183.431	11.653.384.296
- Số khấu hao trong năm	830.566.343	293.700.764	39.667.856	1.163.934.963
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.470.332.205	3.090.135.767	256.851.287	12.817.319.259
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	1.098.424.343	498.141.579	104.614.282	1.701.180.204
2. Tại ngày cuối năm	2.203.205.009	204.440.815	64.946.426	2.472.592.250

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.095.753.965 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán	Cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	18.945.828.822	18.945.828.822
- Mua trong năm	-	1.234.614.168	1.234.614.168
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	20.180.442.990	20.180.442.990
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	14.526.771.508	14.526.771.508
- Số khấu hao trong năm	-	2.783.889.607	2.783.889.607
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	17.310.661.115	17.310.661.115
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	4.419.057.314	4.419.057.314
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	2.869.781.875	2.869.781.875

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.386.706.1745 đồng.

07. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	751.812.194	1.075.978.749
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.062.620.649	121.607.133
- Chi phí tư vấn chờ phân bổ	295.541.172	323.041.172
- Chi phí trả trước dài hạn khác	345.552.251	236.428.217
Cộng	2.455.526.266	1.757.055.271

08. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	4.560.971.943	3.378.052.515
- Tiền lãi phân bổ	1.018.368.330	575.280.587
Số cuối năm	5.699.340.273	4.073.333.102

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ ngắn hạn	Số dư đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>330.000.000.000</i>	<i>17.422.000.000.000</i>	<i>17.287.000.000.000</i>	<i>465.000.000.000</i>
- Vay ngân hàng (*)	330.000.000.000	17.317.000.000.000	17.247.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	330.000.000.000	17.422.000.000.000	17.287.000.000.000	465.000.000.000

(*): Trong đó:

	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Long Biên	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (**)	Ngân hàng TMCP An Bình (***)
- Số đầu năm	-	330.000.000.000	-
- Số vay trong năm	4.876.000.000.000	12.441.000.000.000	105.000.000.000
- Số trả trong năm	4.876.000.000.000	12.371.000.000.000	40.000.000.000
Số dư cuối năm	-	400.000.000.000	65.000.000.000

(**): Khoản vay ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 81/2014/HDHM-PN/SHB.110100 ngày 21 tháng 5 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 550.000.000.000 VND;
- + Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014: 400.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và OTC với giá trị tại thời điểm định giá là 615.020.260.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 3006/2014/HĐTĐ-PN/SHB-110200 ngày 31 tháng 12 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị tiền vay: 165.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: 7,8%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Bằng số dư tài khoản thanh toán tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

(***): Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1207/14/TĐ-TT/II ngày 26 tháng 9 năm 2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- + Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014: 65.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Lãi suất vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và OTC với giá trị tại thời điểm định giá là 136.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	440.747.703	138.413.924
- Thuế thu nhập cá nhân	7.007.260.162	1.531.417.478
Cộng	<u>7.448.007.865</u>	<u>1.669.831.402</u>

11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	754.305.556	88.750.000
- Phí cơ hội hợp đồng môi giới chứng khoán	3.894.382.047	8.840.770.400
- Chi phí phải trả khác	3.516.674.936	2.593.221.414
Cộng	<u>8.165.362.539</u>	<u>11.522.741.814</u>

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	47.702.815	31.306.825
Bảo hiểm xã hội	334.912.240	-
Bảo hiểm y tế	58.249.080	-
Bảo hiểm thất nghiệp	25.762.280	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.491.243.982.373	784.996.201.784
- <i>Nhận tiền đặt cọc Hợp đồng môi giới chứng khoán (*)</i>	957.715.406.287	462.610.241.013
- <i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)</i>	532.845.666.299	178.190.820.561
- <i>Phải trả hợp đồng hợp tác ba bên</i>	-	143.361.071.531
- <i>Phải trả cổ tức SHS cho nhà đầu tư</i>	311.954.249	317.102.449
- <i>Phải trả khác</i>	370.955.538	516.966.230
Cộng	<u>1.491.710.608.788</u>	<u>785.027.508.609</u>

(*): Đây là khoản Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản phí cơ hội theo thỏa thuận. Khoản phí cơ hội này được Công ty trích trước trên khoản mục “Chi phí phải trả” vào cuối mỗi tháng.

(**): Đây là tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư.

13. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả tổ chức, cá nhân khác	289.674.183.603	5.087.981.600
Cộng	<u>289.674.183.603</u>	<u>5.087.981.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	122.094.081.885	11.621.382.248
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	447.428.478.511	425.454.229.882
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	33.595.630.877	9.070.884.575
+ Kết chuyển lỗ các năm trước	413.832.847.634	416.383.345.307
- Tổng thu nhập tính thuế TNDN	(325.334.396.626)	(413.832.847.634)
- Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

02. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	122.094.081.885	11.621.382.248
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	122.094.081.885	11.621.382.248
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	99.845.000	99.845.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.223	116

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin bổ sung.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**01. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Ghi chú
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có thông tin bổ sung
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có thông tin bổ sung
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có thông tin bổ sung

02. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- Cổ phiếu phổ thông	99.845.000	99.845.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội đã nhất trí thông qua việc sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để bù lỗ lũy kế tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định sẽ xử lý lỗ lũy kế từ nguồn thặng dư vốn cổ phần vào quý 01 năm 2015.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	7.677.835.464	4.955.186.726

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin</i>		
- Nhận cổ tức	-	1.800.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>		
- Chi phí lãi vay	34.295.506.883	2.275.360.914
- Nhận cổ tức	16.748.655.900	198.512.000
- Nhận tiền vay trong năm	12.441.000.000.000	1.901.000.000.000
- Trả tiền vay trong năm	12.371.000.000.000	1.986.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin	10.692.000.000	64.800.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	10.692.000.000	64.800.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	137.065.831.349	205.454.957.099
- Đầu tư cổ phiếu	137.065.831.349	205.454.957.099
Cộng	147.757.831.349	270.254.957.099
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin	-	50.000.000
- Người mua trả tiền trước	-	50.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	400.000.000.000	405.771.429.789
- Phải trả về hợp tác 3 bên	-	75.771.429.789
- Vay ngắn hạn	400.000.000.000	330.000.000.000
Cộng nợ phải trả	400.000.000.000	405.821.429.789

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán, hoạt động tự doanh, hoạt động tư vấn và hoạt động lưu ký chứng khoán và hoạt động khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	Hoạt động môi giới, giao dịch chứng khoán	Hoạt động tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	95.025.164.069	168.444.202.406	82.904.361.219	53.403.664.550	399.777.392.244
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	84.139.955.078	70.544.406.436	75.028.537.739	48.033.196.011	277.746.095.264
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.885.208.991	97.899.795.970	7.875.823.480	5.370.468.539	122.031.296.980
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.508.513.267	365.598.855	179.939.345	115.909.710	3.169.961.177
Số dư cuối năm					
Tài sản bộ phận	41.644.245.126	745.018.681.477	2.364.393.509.058	21.913.198.282	3.172.969.633.943
Tài sản không phân bổ					-
Tổng tài sản	41.644.245.126	745.018.681.477	2.364.393.509.058	21.913.198.282	3.172.969.633.943
Nợ phải trả bộ phận	10.689.855.838	2.054.450.641	1.293.232.146.846	959.195.016.116	2.265.171.469.441
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả	10.689.855.838	2.054.450.641	1.293.232.146.846	959.195.016.116	2.265.171.469.441

Khu vực địa lý: Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau: Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam.

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	336.948.731.390	8.182.776.228	54.645.884.626	399.777.392.244
- Tài sản bộ phận	3.026.628.607.337	35.715.071.723	110.625.954.883	3.172.969.633.943
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.087.217.065	41.372.056	41.372.056	3.169.961.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.603.562.789.371	-	892.685.928.463	-	1.603.562.789.371	892.685.928.463
- Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	1.004.956.253.706	(256.154.949.673)	829.131.742.492	(210.028.004.896)	748.801.304.033	619.103.737.596
- Đầu tư ngắn hạn	749.602.568.345	(61.938.132.147)	339.569.721.182	(87.273.795.122)	689.771.031.900	252.460.707.900
- Đầu tư dài hạn	10.692.000.000	-	64.800.000.000	(19.200.000.000)	10.692.000.000	45.600.000.000
Cộng	3.368.813.611.422	(318.093.081.820)	2.126.187.392.137	(316.501.800.018)	3.052.827.125.304	1.809.850.373.959

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	465.000.000.000	330.000.000.000	465.000.000.000	330.000.000.000
- Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả phải nộp khác	1.781.056.495.926	790.224.931.329	1.781.056.495.926	790.224.931.329
- Chi phí phải trả	8.165.362.539	11.522.741.814	8.165.362.539	11.522.741.814
Cộng	2.254.221.858.465	1.131.747.673.143	2.254.221.858.465	1.131.747.673.143

05. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 4 loại: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá cổ phần và rủi ro giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản nợ phải trả tài chính.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với đồng tiền kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phần

Chứng khoán vốn niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro giá hàng hóa

Công ty không có rủi ro về thay đổi giá hàng hóa.

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo tài chính trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thuộc một số lượng lớn khách hàng đa dạng và có tài sản đảm bảo đối ứng, do đó không có rủi ro tập trung tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại một số ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và Bộ phận nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như đã trình bày ở thuyết minh V.1 trang 18. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức độ thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	330.000.000.000	-	-	330.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	785.111.949.729	25.000.000	-	785.136.949.729
Chi phí phải trả	11.522.741.814	-	-	11.522.741.814
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	5.087.981.600	-	-	5.087.981.600
Cộng	<u>1.131.722.673.143</u>	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.131.747.673.143</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ ngắn hạn	465.000.000.000	-	-	465.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.491.357.312.323	25.000.000	-	1.491.382.312.323
Chi phí phải trả	8.165.362.539	-	-	8.165.362.539
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	289.674.183.603	-	-	289.674.183.603
Cộng	<u>2.254.196.858.465</u>	<u>25.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.254.221.858.465</u>

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

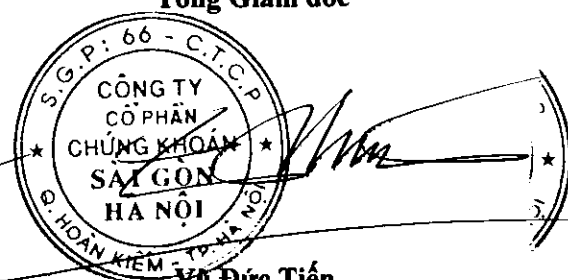
Tổng Giám đốc



Ngô Thị Trúc Mai



Trần Sỹ Tiên



Vũ Đức Tiên